



BIỆN CHỨNG GIỮA TỰ DO CÁ NHÂN VÀ TỰ DO CHÍNH TRỊ TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VIỆT NAM

Nguyễn Hùng Vương¹, Lê Xuân Hoa²

¹Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

²Học Viện Chính trị khu vực 3

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 14/09/2020

Ngày nhận kết quả bình duyệt:
29/06/2021

Ngày chấp nhận đăng:
12/2023

Title:

Dialectic between personal freedom and political freedom in the legal state of Vietnam

Keywords:

Personal freedom, political philosophy, democracy, the rule of law

Từ khóa:

tự do cá nhân, dân chủ, nhà nước pháp quyền

ABSTRACT

The rule of law state is the general development trend of the era. In each country, different ethnic groups have different forms of the rule of law state that are not consistent with the economic, cultural and political institutions of each country. Vietnam is not out of the trend to build a state that ensures the supreme power belongs to the people, the people are the subjects of state power. The state guarantees full democratic freedoms of all citizens, of which individual liberties are the most fundamental along with political freedoms on the basis of union of workers, peasants and intellectuals under the leader of the Communist Party of Vietnam.

TÓM TẮT

Nhà nước pháp quyền là xu thế phát triển chung của thời đại. Ở mỗi quốc gia, dân tộc khác nhau có những hình thức nhà nước pháp quyền không giống nhau, điều đó căn cứ vào tình hình kinh tế, văn hóa và thể chế chính trị của mỗi nước. Việt Nam không đứng ngoài xu thế đó, cho nên cần phải xây dựng một mô hình nhà nước thượng tôn pháp luật, bảo đảm quyền lực tối cao thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ thể quyền lực nhà nước. Nhà nước đảm bảo đầy đủ các quyền tự do dân chủ của mọi công dân, trong đó quyền tự do cá nhân là cơ bản nhất cùng với quyền tự do chính trị trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân và trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tự do là quyền của con người, là những giá trị cao quý của nhân loại. Không có chế độ xã hội nào, không có nhà nước đương đại nào có thể phủ nhận giá trị đó. Tự do là một thuật ngữ quen thuộc, bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Theo nghĩa đen, tự do là quyền của cá nhân, tức cá nhân có quyền làm tất cả những gì mà cá nhân mong muốn mà không ai có quyền ngăn cản những mong muốn đó. Nhưng thực tế trong đời sống chính trị và xã

hội, tự do theo nghĩa hoàn toàn như vậy đích thực là không tồn tại. Bởi vì trước sự tự do của người này, còn có sự tự do của người khác, những quyền tự do ấy làm giới hạn cho nhau. Theo đó, tự do cá nhân phải phù hợp với nguyên tắc phân phối công lý và sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cá nhân trong xã hội. Do đó, tự do của một người phải phù hợp với tự do của người khác và phải phù hợp với đời sống kinh tế, chính trị và xã hội. Cá nhân là cá nhân của xã hội, cá nhân không thể tách khỏi các công đồng mà anh ta thuộc về, nếu ra khỏi nó anh

ta không còn là gì cả. Aristotle từng khẳng định: con người là một sinh vật mang tính chính trị, hay bản chất của con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. C.Mác đã chỉ rõ: “Con người không phải là một sinh vật trừu tượng, ẩn náu đâu đó ở ngoài thế giới, con người chính là thế giới con người, là Nhà nước, là xã hội” (C.Mác & Ph. Ăngghen, 1995, Tập 3, tr. 569). Khi nói về bản chất con người, C.Mác đã đưa ra một định nghĩa nổi tiếng: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” (C.Mác & Ph. Ăngghen, 1995, Tập 3, tr. 569). Điều đó có nghĩa là, cá nhân không thể tách ra khỏi đời sống chính trị và xã hội để sống một đời sống cá nhân hoàn toàn, tự do của cá nhân không thể tách biệt khỏi tự do chính trị - tự do trong đời sống chính trị. Đây là mối quan hệ biện chứng, tự do cá nhân là nền tảng cho tự do chính trị, sẽ không có tự do chính trị nếu không đảm bảo được tự do cá nhân và ngược lại.

2. QUAN NIỆM VỀ TỰ DO

Tự do là giá trị cao quý của nhân loại mà các nhà nước, quốc gia và các chế độ chính trị không thể phủ nhận. Vậy tự do là gì và trong đời sống người ta phải hành động như thế nào để có tự do?

Trong lịch sử, các nhà triết học đã thảo luận vấn đề tự do dưới nhiều khía cạnh khác nhau trong mối quan hệ với đời sống chính trị và xã hội. Khi bàn về “quyền tự nhiên”, với việc khẳng định quyền bình đẳng tuyệt đối của con người, John Locke (1632-1704) khẳng định quyền tự do của con người là thiên bẩm, “Tự do là khả năng con người có thể làm bất cứ điều gì mà mình mong muốn mà không gặp bất kỳ cản trở nào”, khi đó “sự tự do và quyền tự do hành động theo ý chí của chính mình, nơi mỗi con người, đặt cơ sở từ việc anh ta có lý trí” (John Locke, 2007, tr. 199). Đối với Montesquieu (1689 - 1755), con người sinh ra vốn dĩ đã có quyền tự do và bình đẳng, đó là những quyền bất khả xâm phạm. Do đó, ông “đã xây dựng một lý luận hiện thực hóa sự tự do thành một quyền căn bản của con người” (Lê Tuấn Huy, 2006, tr.109). “Tự do, với ý nghĩa triết học là được thực hiện ý chí của mình, hoặc ít ra là được

(Montesquieu, 1996, tr. 119), “Tự do là quyền được làm tất cả những điều mà luật pháp cho phép” (Montesquieu, 1996, tr. 99).

Đối với quyền tự do chính trị của công dân, Montesquieu khẳng định con người có quyền tự nhiên để bảo vệ bản thân mình, trong trạng thái tự nhiên thì điều đó được thực hiện với tư cách cá nhân, tự phát, bằng bạo lực vô tổ chức. Khi tham gia vào khế ước xã hội, con người trao cả an ninh của mình cho xã hội công dân, nhà nước là thực thể có nghĩa vụ bảo vệ an ninh cho con người nếu nó muốn duy trì sự tồn tại của mình như một thiết chế chính đáng mà không để công dân trở về với trạng thái tự nhiên. Đây là điểm đồng thuận mang tính nhất quán hết sức cao từ Hobbes, Locke, cho đến Montesquieu, Rousseau, và cả những người khai sáng sau này trong quan niệm về an ninh, an toàn của con người trong trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội. Cũng như Locke và Rousseau, Montesquieu cho rằng: “dân chúng có quyền lực tối cao” (Montesquieu, 1996, tr. 49). Xuất phát từ giả thiết con người sống trong trạng thái tự nhiên, Rousseau cho rằng: “Người ta sinh ra tự do, nhưng rồi đâu đâu con người cũng sống trong xiềng xích”; “tự do là từ bản chất con người mà có. Luật đầu tiên của tự do là mỗi người phải được chăm lo sự tồn tại của mình và do đó tự mình làm chủ lấy mình”. Rằng, “từ bỏ tự do của mình là từ bỏ phẩm chất con người, từ bỏ quyền làm người và cả nghĩa vụ làm người”. (Rousseau , 2004, tr. 52), “tự do là từ bản chất con người mà có” (Rousseau , 2004, tr. 53), và “từ bỏ tự do của mình là từ bỏ phẩm chất con người, từ bỏ quyền làm người và cả nghĩa vụ làm người” (Rousseau, 2004, tr. 59). Từ quan điểm Locke, Montesquieu đến Rousseau đều khẳng định khi ra khỏi trạng thái tự nhiên bước vào xã hội công dân bằng một “khế ước xã hội” để lập nên nhà nước, khi đó con người đã có một quyền tự do mới, đó là tự do chính trị. Tự do chính trị là quyền của công dân được tham gia vào việc giám sát, điều khiển nhà nước và xã hội. Điều này khác với tự do cá nhân chỉ là những bảo đảm cho con người được sống trong an ninh, hạnh phúc và không bị người khác xâm phạm đến tự do của mình.

G.W Friedrich Hegel (1770-1831) nổi tiếng với việc đưa ra khái niệm về tự do, khái niệm này đã tiến thêm một nấc thang mới. Hegel cho rằng, tự do là sự nhận thức được cái tất yếu, và “Cái tất yếu chỉ mù quáng chừng nào người ta chưa hiểu được nó” (Hegel, 1843, tr.121). Trong quan niệm của Hegel, tất yếu là cái có sức mạnh không cưỡng lại được. Tự do không phải là ở sự độc lập tương đối với các quy luật của tự nhiên, mà là ở sự nhận thức được những quy luật đó và ở cái khả năng - có được nhờ sự nhận thức này, buộc những quy luật đó tác động một cách có kế hoạch nhằm những mục đích nhất định. Điều đó là đúng đối với những quy luật của tự nhiên bên ngoài, cũng như đối với những quy luật chi phối tồn tại vật chất và tinh thần của bản thân con người, hai loại quy luật mà chúng ta nhiều lắm cũng chỉ có thể tách cái nọ ra khỏi cái kia trong quan niệm chứ không thể tách ra trong thực tế được. Như vậy, tự do của ý chí chẳng qua chỉ là cái năng lực quyết định một cách hiểu biết. Do đó, sự phán đoán của một người về một vấn đề nhất định, càng tự do bao nhiêu thì nội dung của sự phán đoán đó sẽ được quyết định với một tính tất yếu càng lớn bấy nhiêu; còn sự không quả quyết, do không hiểu biết mà ra, thì có vẻ là chọn lựa một cách tùy tiện trong nhiều khả năng quyết định khác nhau và trái ngược nhau, song chính do đó mà chúng tỏ rằng nó không có tự do, nó bị chi phối bởi đối tượng mà lẽ ra nó phải chi phối. Vì vậy, tự do là ở sự chi phối được chính bản thân và tự nhiên bên ngoài, một sự chi phối dựa trên sự nhận thức được những tất yếu của tự nhiên; do đó, nó tất yếu là một sản phẩm của sự phát triển lịch sử, và khi đã được nhận thức, đồng hoá, cái tất yếu trở thành tự do. Chính vì như vậy, Hegel khẳng định: con người muốn có tự do thì trước hết phải nhận thức được cái tất yếu, cái quy luật. Quy luật được nhận thức đến đâu thì hành động tự do được bảo đảm đến đấy” (Hegel, 1843, tr.56-58). Chính vì vậy, nếu vi phạm quy luật, tất yếu sẽ bị mất tự do. Đối với những người thuộc trường phái chủ nghĩa tự do truyền thống, tự do được hiểu là tự do của cá nhân khỏi sự ép buộc từ bên ngoài (tự do khỏi sự cấu thúc, ràng buộc). Mặt khác, quan điểm của các nhà tự do xã hội nhấn mạnh

nhu cầu về sự bình đẳng xã hội và kinh tế. Họ gắn kết quyền tự do với sự phân phối công bằng quyền lực chính trị (dân chủ) xét trong mặt nghĩa của tự do tích cực. Theo họ, tự do mà không có bình đẳng thì tương đương với việc những kẻ mạnh nhất sẽ chiếm thế chi phối.

Tóm lại, thuật ngữ tự do được nhiều trào lưu triết học đề cập dưới nhiều góc nhìn khác nhau, tuy nhiên tất cả đều khẳng định giá trị không thể chối bỏ của nó trong đời sống chính trị. Theo đó, tự do có thể hiểu như là một khái niệm dùng trong triết học chính trị, dùng để mô tả tình trạng khi một cá nhân không bị sự ép buộc, có cơ hội để lựa chọn và hành động theo đúng với ý chí nguyện vọng của chính mình.

3. TỰ DO CÁ NHÂN TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI TỰ DO CHÍNH TRỊ

Nếu xét về mục đích và phạm vi của quyền thì giữa tự do cá nhân và tự do chính trị có những điểm khác nhau rất cơ bản. *Thứ nhất*, xét về mục đích thì tự do cá nhân hướng vào các cá nhân cụ thể nhằm đảm bảo các quyền riêng tư và phục vụ đời sống của mỗi người. Trong khi đó, tự do chính trị lại hướng đến xã hội với mục đích làm cho công dân có quyền tham gia vào điều khiển các công việc chung của xã hội. *Thứ hai*, về phạm vi của quyền thì tự do cá nhân này bị hạn chế bởi quyền tự do của cá nhân khác, tự do của một người phải đặt trong tự do của những người khác. Phương châm của nó là: đừng bao giờ làm cho người khác điều gì mà anh không muốn người ta làm cho mình. Đối với tự do chính trị, quyền chỉ bị hạn chế vì lý do bảo mật quốc gia, lý do an ninh, trật tự xã hội hoặc vì tự do cá nhân.

Tuy nhiên, nếu xét dưới khía cạnh quyền con người, giữa chúng lại có mối quan hệ biện chứng lẫn nhau. Khi bàn về quyền tự do cá nhân Montesquieu tin rằng, tự do với ý nghĩa triết học, là được thực hiện ý chí của mình, và ông cũng nói thêm rằng: “Nhưng tự do chính trị tuyệt đối không phải muốn làm gì thì làm. Trong một nước có luật pháp, tự do chỉ có thể là được làm những cái nên làm và không bị ép buộc làm điều không nên làm. Nếu một công dân làm điều trái luật thì anh ta không còn được tự do nữa, vì nếu để anh ta tự do

làm thì mọi người được làm trái luật cả” (Montesquieu, 1996, tr.103). Do đó, muốn có tự do chính trị con người không được làm trái pháp luật, tức là không được vượt quá phạm vi về quyền của tự do cá nhân.

Trong thời kỳ chiếm hữu nô lệ, những quốc gia có nền dân chủ phát triển như Hy Lạp, Roma người ta thường chú trọng đến quyền tự do chính trị. Các công dân tự do được tham gia mọi công việc chung trong khi đó những người nô lệ không được hưởng bất kỳ một quyền tự do nào, kể cả quyền làm người. Đến thời kỳ nhà nước quân chủ phong kiến xuất hiện cũng đồng nghĩa với việc tự do bị hạn chế. Tự do chính trị chỉ dành cho quan lại và nhà vua, quyền lực của nhà vua không bị hạn chế, quyền tự do cá nhân và tự do chính trị tối cao đều trong tay vua. Nhưng trong thời kỳ tư bản chủ nghĩa, quan niệm về tự do bước đầu được hiện thực hóa, đây là bước tiến vượt bật trong việc đảm bảo quyền con người. Quyền tự do cá nhân và tự do chính trị được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật của các nhà nước tư bản. Tuy nhiên trên thực tế hai quyền này vẫn bị xâm hại dưới nhiều mức độ khác nhau, trong các nhà nước tư bản khác nhau.

Ngày nay, hầu hết các nền dân chủ đều coi trọng quyền tự do của con người, đặt tự do cá nhân và tự do chính trị trong mối quan hệ biện chứng giữa cá nhân với nhà nước và xã hội. Trong đó tự do cá nhân là nền tảng cho tự do chính trị, tức là sẽ không có tự do chính trị nếu không đảm bảo được tự do cá nhân, và ngược lại.

4. Quyền tự do của công dân trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Lịch sử dân tộc Việt Nam là lịch sử đấu tranh vì độc lập, tự do và dân chủ. Tự do trở thành khát vọng thường trực trong trái tim của mỗi người dân Việt Nam yêu nước, tất cả đều khẳng định “không có gì quý hơn độc lập tự do”. Với bao thăng trầm của lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân ta luôn giương cao ngọn cờ yêu nước, tự do và quyền tự quyết dân tộc, đánh bại mọi kẻ thù xâm lược và tự mình dựng xây đất nước phồn thịnh. Trong quá trình xây dựng chính quyền cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định xây dựng nhà

nước của dân, tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân là mục tiêu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Người nhấn mạnh: “Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là phụng sự lợi ích của nhân dân” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 9, tr. 591), “Chính phủ là đây tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 8, tr. 322). “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 4, tr. 11). Theo đó, Nhà nước ra đời không phải để cai trị dân mà để phục vụ nhân dân.

Sau khi hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước, nhất là từ sau đổi mới, nhận thức về nhà nước pháp quyền không ngừng phát triển, quyền tự do dân chủ của công dân được ghi nhận rõ ràng trong Hiến pháp, trong Văn kiện Đảng và trong các văn bản pháp luật. Đảng khẳng định: “Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007, tr. 224). Vấn đề hàng đầu là phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, coi đó là bản chất của Nhà nước pháp quyền. “Nhà nước phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân”. “Bảo vệ quyền con người, các quyền cơ bản của công dân đã ghi trong Hiến pháp như quyền sở hữu, quyền sử dụng tư liệu sản xuất, quyền tự do kinh doanh hợp pháp; quyền được tự do thảo luận, tranh luận, phát biểu các ý kiến nhằm xây dựng đất nước; quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2007, tr. 225). Đặc biệt, Đại hội X của Đảng đã đề cập đến quyền con người như một hệ thống tương đối hoàn chỉnh, đó là việc xác định quyền tự do là giá trị phổ biến, khách quan và không ngừng phát triển. Đến Đại hội XI, trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định quan điểm “Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của

mỗi người” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr. 85).

Thế chế hóa Cương lĩnh và quan điểm của Đảng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân trên cơ sở tiếp thu trí tuệ của toàn dân tộc nhằm sửa đổi Hiến pháp năm 1992. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã thể hiện rõ hơn nội dung về chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cũng như việc bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân. Ngay trong Chương I: Chế độ chính trị, Điều 2, Khoản 2 ghi rõ: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức” (Hiến pháp 2013, tr. 8-9). Trong đó, từ “Nhân dân” được viết hoa nhằm thể hiện nhận thức rõ ràng hơn vai trò của nhân dân với tư cách là chủ thể tối cao của quyền lực Nhà nước. Tại điều 3 đã ghi: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện” (Hiến pháp 2013, tr. 9). Trong Chương II về Quyền con người và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định rõ ràng và đầy đủ từ Điều 14 đến Điều 49. Theo đó, “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật” (Hiến pháp 2013, tr. 14). Công dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, quyền tự do cá nhân và tự do chính trị được thể hiện qua việc Nhà nước đảm bảo các quyền dân sự, đó là quyền tự do thân thể, quyền bình đẳng về phẩm cách và quyền lợi trước pháp luật, quyền tự do đi lại cùng các quyền tự do chính trị như: quyền bầu cử, ứng cử, quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do hội họp đúng pháp luật. Bên cạnh đó, “Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo” (Đảng Cộng

sản Việt Nam, 1991, tr. 78). Đảng khẳng định: “Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003, tr. 48). Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Sự tồn tại, hoạt động của các tín ngưỡng, tôn giáo làm phong phú bộ mặt văn hóa tinh thần của đất nước. Tuyệt đại đa số tín đồ, chức sắc, chức việc tôn giáo đều thể hiện xu hướng đồng hành cùng dân tộc, đoàn kết, chung tay xây dựng và bảo vệ đất nước.

Có thể khẳng định, nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã từng bước hoàn thiện. Nhà nước tôn trọng và bảo vệ các quyền tự do dân chủ của mọi công dân. Mọi công dân sinh sống và làm việc trong Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được bình đẳng về quyền và lợi ích, quyền tự do cá nhân và tự do chính trị được ghi nhận trong Hiến pháp và Pháp luật, và được pháp luật bảo vệ. So với quyền tự do được ghi nhận và thực thi ở các nước tư bản phương Tây, đặc trưng cụ thể bởi thể chế chính trị dân chủ Hoa Kỳ. Tại Hoa Kỳ, quyền tự do được thừa nhận trong hiến pháp, đó là quyền bất khả xâm phạm, công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm. Phải thừa nhận đây là điểm tích cực của nhà nước Tư bản chủ nghĩa so với các chế độ nhà nước trước đó. Tuy nhiên, quyền tự do cá nhân không phải là nền tảng duy nhất để đảm bảo và nâng cao quyền tự do chính trị. Ở Hoa Kỳ, quyền tự do chính trị cho dù được thừa nhận trong Hiến pháp, nhưng trong thực tế quyền tự do chính trị luôn chịu nhiều biến động và bị chi phối bởi các đảng chính trị cầm quyền. Nhà nước ra đời và hành động không hoàn toàn vì quyền và lợi ích của đa số người dân, ngược lại điều phục vụ cho quyền và lợi ích kết xù của giai cấp tư sản cầm quyền. Mặt khác, chủ nghĩa tự do thúc đẩy quyền tự do cá nhân cực đoan, xem nhẹ quyền cộng đồng, vi phạm quyền tự do chính trị. Đây là mặt trái của nền dân chủ Hoa Kỳ, nền dân chủ tư bản chủ nghĩa.

Ở nước ta, quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân, nhân dân làm chủ và nhân dân là chủ. Đảng Cộng sản Việt Nam không có lợi ích nào khác

ngoài lợi ích của công nhân, nông dân và lợi ích của toàn dân tộc (Hồ Chí Minh, 2000, tập 12, tr. 587). Do đó, cá nhân ngoài quyền tự do làm tất cả những gì pháp luật không cấm, thì công dân còn được đảm bảo quyền tự do chính trị trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sau 35 năm đổi mới và phát triển, quyền tự do chính trị của công dân ngày càng được bảo đảm trong thực tế, thể hiện rõ nét trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Cụ thể là, dân chủ xã hội chủ nghĩa không ngừng được phát huy trên nhiều lĩnh vực. Dân chủ về kinh tế ngày càng được mở rộng đã tác động tích cực đến việc giải phóng sức sản xuất, là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao đời sống nhân dân. Dân chủ về chính trị có bước tiến quan trọng, thể hiện ở việc bầu các cơ quan dân cử, ở chất lượng sinh hoạt của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, tại các cuộc thảo luận của nhân dân tham gia ý kiến xây dựng các dự án luật, trong hoạt động của báo chí... nhân dân ngày càng thực quyền hơn trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, đảm bảo dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân sử dụng. Rõ ràng, so với nhà nước Tư bản chủ nghĩa, ở Việt Nam hiện nay quyền tự do nói chung và quyền tự do chính trị nói riêng được đảm bảo toàn diện và thực thi có hiệu quả hơn trong thực tế đời sống chính trị xã hội. Đây chính là điểm mạnh của thể chế nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đang hướng đến.

5. KẾT LUẬN

Xu thế thời đại đã và đang mở ra những cơ hội to lớn cho mọi cá nhân phát triển - cơ hội của tự do. Theo đó, tự do là cách thức giải phóng cá nhân thoát khỏi những sai lầm, định kiến, quá khứ, tự do làm thay đổi một dân tộc, một đất nước, đưa nó tiến vào tiến trình phát triển của chính nó. Do đó, chỉ khi nào đạt được tự do thì khi đó mới có sự phát triển, và ngược lại. Hơn bao giờ hết, mỗi con người của thời đại phải nhận thức được rằng tự do không phải là thứ gì đó xa rời cuộc sống của con người, tự do là bản chất của cuộc sống con người. Bên cạnh tự do cá nhân, tự do chính trị là điều không thể thiếu của mỗi cá nhân với tư cách thành viên của cộng đồng xã hội, công nhân của nhà nước pháp quyền Việt Nam. Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước do dân, của dân và vì dân, vì quyền và lợi ích của đa

số tầng lớp nhân dân, ở nhà nước đó thì mọi quyền bính của Nhà nước đều thuộc về nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- C. Mác. & Ph. Ăngghen. (1995). Toàn tập, Tập 3. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2003). *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương Khóa IX*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2007). *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 53. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Hồ Chí Minh. (2002). *Toàn tập*, Tập 8, 4. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Hồ Chí Minh. (2000) *Toàn tập*, Tập 9. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Hồ Chí Minh. (2011) *Toàn tập*, Tập 12. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Rousseau, J. J. (2004). *Bàn về kế ước xã hội*. (Hoàng Thanh Đạm, Biên dịch). Hà Nội: Nhà xuất bản Lý luận Chính trị.
- Locke, J. (2007). *Khảo luận thứ hai về chính quyền - Chính quyền dân sự*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tri thức.
- Hegel, G.W.F. (2008) *Bách khoa toàn thư các khoa học triết học* (Bùi Văn Nam Sơn). Hà Nội: Nhà xuất bản Trí Thức. (Quyển sách gốc được xuất bản năm 1843).
- Lê Tuấn Huy. (2006). *Triết học chính trị Montesquieu với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam*. Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp.